

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS - ST

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Khang
2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 01/2021/TLST - DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 1, Ngõ 8, TDP T, phường X, quận B, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Đội 3, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị T: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Đội 3, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Đội 3, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Do quan hệ gia đình là cô cháu nên năm 2017 chị T và anh H có hỏi vay của bà tổng số tiền là 1.585.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) để làm bến bãi, mua xe ô tô và làm nhà, khi vay hai bên chỉ thỏa Thuận miệng, không làm văn bản giấy tờ gì nên bà không nhớ cụ thể ngày tháng cho vay, hàng tháng anh chị T - H tự nguyện trả tiền lãi cho bà, mỗi tháng trả 38 triệu đồng tiền lãi, có tháng trả đủ, có tháng không đủ, số tiền trên là bà phải vay của người khác để cho chị T vay lại. Cho đến khoảng tháng 11 năm 2020 vợ chồng T - H không trả bà tiền lãi để bà trả cho người cho vay tiền, đã nhiều lần bà đòi tiền nhưng anh chị khát nợ, sau đó lại không trả đúng hạn. Hai bên có làm giấy vay tiền vào khoảng cuối năm 2020 nhưng đề ngày 29 âm lịch năm 2017, chị T tự nguyện ký bên người vay tiền. Trong giấy vay tiền hai bên không thỏa Thuận gì về lãi suất mà do chị T tự nguyện trả tiền lãi vào ngày 29 âm lịch hàng tháng. Về thời hạn trả nợ là khi nào bà cần tiền thì sẽ báo trước để chị T trả tiền cho bà. Đến nay bà đã nhiều lần thông báo cho chị T trả tiền cho bà nhưng chị T không trả tiền cho bà. Tại buổi hòa giải ngày 26/01/2021 vợ chồng anh H chị T tự nguyện trả cho bà 20.000.000 đồng là tiền lãi của tháng 10, tháng 11/2020 và cam kết ngày 24/12/2020 âm lịch sẽ trả tiếp cho bà 20 triệu đồng tiền lãi, tuy nhiên sau đó anh H và chị T không thực hiện đúng cam kết trả nợ tiền lãi.

Tại phiên tòa bà yêu cầu chị T và anh H cùng có nghĩa vụ phải trả nợ tổng số tiền gốc đã vay là 1.585.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất. Về khoản tiền lãi 20 triệu đồng mà anh H cam kết sẽ trả cho bà đến nay bà không có yêu cầu đề nghị gì.

- Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2021 chị Nguyễn Thị T trình bày: chồng chị là anh Trần Văn H có vay của bà L nhiều lần, tổng số tiền là 1.585.000.000 đồng gốc, khi vay tiền hai bên không có giấy tờ gì mà chỉ thỏa Thuận miệng với nhau, nội dung thỏa Thuận là cho vay để làm ăn, lãi suất là 2,5%/tháng. Mỗi tháng vợ chồng chị đã trả lãi cho bà L số tiền 38 triệu đồng và trả đều hàng tháng, mỗi khi chậm trả lãi là bà L yêu cầu vợ chồng chị trả tiền lãi phạt từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Cho đến cuối năm 2020 vợ chồng chị làm ăn khó khăn nên không có tiền lãi nộp đúng hạn cho bà L, vì vậy bà L có yêu cầu chị ký giấy vay tiền cho bà L. Giấy vay tiền (bản gốc) đề ngày 29 âm lịch năm 2017 chị thừa

nhận đúng là chữ ký của chị, tuy nhiên chị khẳng định là không liên quan gì đến số tiền vay mà do chồng chị quan hệ làm ăn cùng bà L nên đã vay tiền của bà L, có một lần duy nhất chị nhận số tiền 500 triệu đồng do bà L cho vay từ khoảng 01 năm trước, còn những lần khác chị không được nhận tiền mà do chồng chị nhận tiền. Nay quan điểm của chị thừa nhận vợ chồng có nợ của bà Trần Thị L tổng số tiền 1.585.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn số tiền lãi vợ chồng chị đã trả đủ cho bà L từ năm 2017 cho đến nay, chị không có ý kiến gì về số tiền lãi đã trả cho bà L. Chị xin được trả nợ dần cho bà L vào số nợ gốc với số tiền mỗi tháng từ 10 đến 20 triệu đồng cho đến khi trả hết nợ gốc cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn H trình bày: Về số nợ gốc và lãi theo như chị Nguyễn Thị T là vợ anh đã trình bày là đúng, anh thừa nhận vợ chồng có vay của bà L tổng số tiền là 1.585.000.000 đồng gốc, khi vay tiền không có viết giấy tờ gì mà chỉ thỏa Thuận miệng với nhau, nội dung thỏa thuận theo như chị T đã trình bày là đúng. Mỗi tháng vợ chồng anh trả lãi cho bà L số tiền 38 triệu đồng và trả đều hàng tháng. Cho đến cuối năm 2020, vợ chồng anh làm ăn khó khăn nên không có tiền lãi nộp đúng hạn cho bà L, vì vậy bà L có yêu cầu vợ anh ký giấy vay tiền cho bà L. Nay anh thừa nhận là vợ chồng anh có nợ của bà Trần Thị L tổng số tiền 1.585.000.000 đồng gốc còn số tiền lãi vợ chồng anh đã trả đủ cho bà L từ năm 2017 cho đến nay, anh không có ý kiến gì, nay anh xin được trả nợ dần cho bà L vào số nợ gốc với số tiền mỗi tháng từ 15 đến 20 triệu đồng cho đến khi trả hết nợ gốc cho bà L. Về khoản tiền lãi mà anh đã tự nguyện thanh toán cho bà L ngày 26/01/2021 đến nay anh không có thắc mắc gì, về số tiền lãi còn lại 20 triệu đồng mà anh cam kết sẽ thanh toán trả cho bà L vào ngày 24/12/2020 âm lịch đến nay anh không đồng ý thanh toán tiếp cho bà L nữa. Về số tiền lãi vợ chồng anh thỏa Thuận với bà L là mỗi tháng trả 38.000.000 đồng là do vợ chồng anh tự nguyện trả lãi và không có ý kiến gì về số tiền lãi đã trả hàng tháng cho bà L.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm về việc tuân theo các quy định tố tụng của Thẩm phán về quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, T thập chứng cứ đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 288; 351; 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H phải trả nợ cho bà Trần Thị L số tiền 1.585.000.000đ (Một tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) nợ gốc. Trường hợp chị T và anh H chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H phải chịu 59.550.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Hoàn trả cho bà Trần Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải trả nợ cho bà số tiền 1.585.000.000đ gốc đã vay của bà, tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền.

Đối với chị Nguyễn Thị T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị T đã có giấy ủy quyền cho anh Trần Văn H. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị T là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H có thỏa thuận vay tiền của bà Trần Thị L số tiền 1.585.000.000 đồng để làm ăn, hai bên có viết giấy vay tiền và có chữ ký của chị Nguyễn Thị T, tuy nhiên anh H cũng thừa nhận có nợ tiền của bà L, trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất và thời hạn trả nợ mà chỉ thỏa thuận bằng miệng là trả lãi vào ngày 29 âm lịch hàng tháng. Do vậy quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp Hợp đồng là 03 năm kể từ khi quyền và lợi ích bị xâm phạm, việc chị T và anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ năm 2020, do vậy bà L có đơn khởi kiện đối với chị T nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4]. Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Bà Trần Thị L có cho chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H vay số tiền 1.585.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 29 âm lịch năm 2017, nội dung giấy vay tiền hai bên không thỏa Thuận gì về lãi suất và thời hạn trả nợ tuy nhiên có thỏa thuận miệng về việc người vay tiền tự nguyện trả lãi vào ngày 29 âm lịch hàng tháng. Trong giấy vay tiền tuy chỉ có chị Nguyễn Thị T ký tên người vay tiền nhưng quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa anh Trần Văn H là chồng chị T cũng thừa nhận là vợ chồng cùng vay tiền và sử dụng vào việc làm ăn kinh doanh chung vợ chồng nên anh H phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị T trả nợ cho bà L, do vậy tại phiên tòa bà L sửa đổi bổ sung yêu cầu buộc vợ chồng anh H và chị T phải cùng thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền vay nói trên cho bà L. Xét yêu cầu của bà L là phù hợp với Điều 228, 463, 466 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận. Anh H và chị T xin được trả nợ dần số tiền gốc mỗi tháng từ 15 triệu đến 20 triệu đồng cho đến khi trả hết nợ gốc nhưng bà L không đồng ý, do vậy yêu cầu của anh H và chị T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về khoản tiền lãi vợ chồng anh H, chị T đã trả tiền lãi hàng tháng cho bà L từ năm 2017 đến năm tháng 10/2020, mỗi tháng 38 triệu đồng tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, chị T và anh H đã tự nguyện thanh toán trả tiền lãi cho bà L số tiền 20 triệu đồng vào ngày 26/01/2021 đến nay anh H và chị T tự nguyện không có ý kiến thắc mắc gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết về toàn bộ số tiền lãi đã trả cho bà L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc bà L không yêu cầu anh H và chị T phải thanh toán khoản tiền lãi 20 triệu đồng theo cam kết của anh H ngày 26/01/2021 cũng như không yêu cầu tính lãi suất của khoản nợ gốc 1.585.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L là nguyên đơn được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36 triệu đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá

800.000.000 đồng = 59.550.000 đồng. Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 351, 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H phải trả nợ cho bà Trần Thị L số tiền 1.585.000.000đ (Một tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T và anh H chậm trả tiền cho bà L thì chị T và anh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa Thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa Thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H phải chịu 59.550.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng) theo biên lai T số AA/2017/0005352 ngày 04/01/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải